

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 08 năm 2022

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ VÙNG NUÔI TÔM TẬP TRUNG

1. Kết quả quan trắc môi trường

1.1. Kết quả phân tích thủy, lý hóa

Ngày thu	Điểm quan trắc	Tỉnh	Huyện	Tọa độ	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/L)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/L)	N-NH ₄ (mg/L)	P-PO ₄ (mg/L)	N-NO ₂ (mg/L)	H ₂ S (mg/L)	COD (mg/L)	TSS (mg/L)
Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 02-19:2014/BNNPTNT ⁽¹⁾ ; QCVN 10-MT:2015/BTNMT ⁽²⁾ ; QCVN 08-MT:2015/BTNMT ⁽³⁾					18-33⁽¹⁾	7-9⁽¹⁾	≥ 3,5⁽¹⁾	5-35⁽¹⁾	60-180⁽¹⁾	<0,3⁽³⁾	<0,2⁽²⁾	≤0,05⁽²⁾	≤0,05⁽¹⁾	≤10⁽³⁾	<50⁽²⁾
26/08	Quỳnh Bảng	Nghệ An	Quỳnh Lưu	19,184829 105,715998	34,0	7,19	3,1	5	82	0,306	0,143	0,030	0,000	3,44	10,7
26/08	Quỳnh Liên		Hoàng Mai	19,191252 105,722760	35,1	7,28	4,6	5	100	0,336	0,018	0,034	0,007	4,08	27,0

Ghi chú: ⁽¹⁾ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm; ⁽²⁾ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển – Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh; ⁽³⁾ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt – Cột A1: Sử dụng cho mục đích nước cấp sinh hoạt và bảo tồn động thực vật thủy sinh.

1.2. Kết quả phân tích tảo độc và vi sinh vật

Ngày thu	Điểm quan trắc	Tỉnh	Huyện	Tọa độ	Tảo độc (Tế bào/L)	Coliforms (Khuẩn lạc/100 mL)	Vibrio tổng số (Khuẩn lạc/mL)	Vp _{AHPND} trong nước
Giá trị giới hạn: QCVN 10-MT:2015/BTNMT; 28 TCN 101:1997-Phụ lục 8						<1.000	≤1.000	
26/08	Quỳnh Bảng	Nghệ An	Quỳnh Lưu	19,184829 105,715998	0	0	0	-
26/08	Quỳnh Liên		Hoàng Mai	19,191252 105,722760	0	38000	70	-

Ghi chú: Vp_{AHPND} trong nước: *Vibrio parahaemolyticus* chủng gây bệnh hoại tử gan tụy cấp trong nước; (-) Âm tính với tác nhân kiểm tra. Tiêu chuẩn ngành 28 TCN 101:1997-Phụ lục 8: Tiêu chuẩn đánh giá đối với môi trường nước nuôi, lưu giữ động vật thủy sản;

2. Đánh giá chất lượng nước (WQI) theo 1460/QĐ-TCMT của Bộ TNMT

STT	Điểm quan trắc	WQI	Chất lượng nước	Chỉ tiêu ngoài ngưỡng
1	Quỳnh Bảng	88	Tốt	N-NH ₄ vượt 1,02 lần
2	Quỳnh Liên	43	Xấu	Coliform vượt 38 lần; N-NH ₄ vượt 1,1 lần

Ghi chú: Các chỉ tiêu dùng để tính toán chỉ số WQI: Nhiệt độ, pH, DO, N-NH₄, N-NO₂, P-PO₄, COD, Coliform.

3. Nhận xét kết quả phân tích

- Nguồn nước cấp tại Quỳnh Bảng có hàm lượng DO trong nước thấp, N-NH₄ cao hơn so với QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Nguồn nước cấp tại Quỳnh Liên có mật độ Coliform và hàm lượng N-NH₄ cao hơn so với QCVN 10-MT:2015/BTNMT và QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Các thông số nhiệt độ, pH, độ mặn, độ kiềm, N-NO₂, P-PO₄, H₂S, COD, TSS và mật độ *Vibrio* tổng số có giá trị trong khoảng giới hạn cho phép. Không phát hiện tảo độc và mầm bệnh AHPND trong nước nguồn nước cấp ở cả 02 điểm quan trắc.

- Chỉ số chất lượng nước (WQI) tại Quỳnh Bảng đạt mức tốt, tại Quỳnh Liên ở mức xấu khi tính theo quyết định 1460/QĐ-TCMT của Bộ TNMT.

4. Khuyến cáo

- Không sử dụng trực tiếp nguồn nước cấp tại Quỳnh Bảng và Quỳnh Liên để cấp vào ao nuôi do có mật độ Coliform, hàm lượng DO, N-NH₄ nằm ngoài giới hạn quy định. Các cơ sở nuôi cần lấy nước và xử lý nước trong ao lắng/lọc trước khi cấp vào ao nuôi. Quy trình lấy và xử lý nước như sau:

+ Lấy nước ở thời điểm đỉnh triều qua túi lọc dày (đường kính lỗ lọc $\leq 200 \mu\text{m}$) để loại bỏ rác, ấu trùng địch hại vào ao lắng/lọc.

+ Xử lý nước trong ao lắng/lọc: Sử dụng các hoá chất khử trùng được phép lưu hành trên thị trường (Chlorine: 10-20 mg/L) để khử trùng nước giảm mật độ Coliform. Giữ nước trong ao lắng 1-2 ngày và chạy quạt khí để giảm hàm lượng N-NH₄, tăng DO hoà tan và loại bỏ hoá chất khử trùng trong nước trước khi cấp nước cho ao nuôi. Lưu ý: Độ mặn nguồn nước cấp là 5 ‰, các cơ sở nuôi kiểm tra độ mặn ao nuôi để bổ sung hoặc thay thế với lượng nước phù hợp, tránh làm biến động lớn độ mặn ao nuôi.

Đề nghị cơ quan quản lý địa phương thông báo kết quả và khuyến cáo tới cơ sở nuôi để biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Vụ Nuôi trồng Thủy sản;
- Chi Cục thủy sản Nghệ An;
- Lưu VT.

TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ
BỆNH THỦY SẢN MIỀN BẮC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Bình